

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 38 244 975 - Fax: (08) 38 221 484

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT CỦA
CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2014 đến ngày 31/03/2015

kèm theo

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP**

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

Số 3 Ngõ 1295 Đường Giải phóng - Hoàng Mai - Hà Nội
Điện thoại: (04) 3 974 5081/82 Fax: (04) 3 974 5083

Hà Nội, tháng 05 năm 2014



CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 38 244 975 - Fax: (08) 38 221 484

MỤC LỤC

Nội dung	Trang số
Báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc	2-3
Báo cáo kết quả công tác soát xét	4
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét	
<i>Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/3/2015</i>	5 - 6
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất 6 tháng đầu năm tài chính từ ngày 01/10/2014 đến 31/03/2015</i>	7 - 8
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 6 tháng đầu năm tài chính từ ngày 01/10/2014 đến 31/03/2015</i>	9
<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm tài chính từ ngày 01/10/2014 đến 31/03/2015</i>	10 - 36

0301
CÔ
CÔ
NÔNG
H
VI-T

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nông dược HAI trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn hoạt động từ 01/10/2014 đến 31/03/2015

Khái quát chung về Công ty Cổ phần Nông dược HAI

Công ty Cổ phần Nông Dược HAI được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước là Công ty Bảo vệ thực vật II trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quyết định số 2616/QĐ/BNN-TCCB ngày 30/08/2004 của Thủ tướng chính phủ.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301242080, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 07/02/2005 và đăng kí thay đổi lần thứ 13 ngày 25/03/2015.

Công ty có trụ sở tại: 28 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh.

Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ và lập Báo cáo tài chính

Tháng 05/2015 công ty đã nhận chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của Công ty Cổ phần Hóc Môn tại công ty TNHH HAI Minh Long và đồng thời Công ty TNHH Hai Minh Long trở thành công ty con do Công ty Cổ phần Nông Dược HAI đầu tư 100% vốn .

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty tại ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị:

1 Ông Doãn Văn Phương	Chủ tịch HĐQT
2 Ông Đặng Thanh Cương	Phó Chủ tịch HĐQT
3 Ông Quách Thành Đồng	Phó Chủ tịch HĐQT
4 Ông Mai Trí Dũng	Ủy viên
5 Ông Lê Thành Vinh	Ủy viên
6 Ông Ngô Văn Thu	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 08/11/2014)
7 Ông Lê Văn Sác	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 08/11/2014)
8 Bà Phạm Thị Hải Ninh	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 08/11/2014)

Ban Giám đốc:

1 Ông Quách Thành Đồng	Tổng Giám đốc
2 Ông Nguyễn Công Chiến	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 02/03/2015)
3 Ông Trần Hữu Hạnh	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/01/2015)
4 Ông Ngô Văn Thu	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 24/11/2014)
5 Ông Nguyễn Huỳnh Đăng	Giám đốc tài chính - Kế toán trưởng

Ban Kiểm soát:

1 Ông Nguyễn Thiện Phú	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 11/11/2014)
2 Ông Đoàn Văn Cường	Thành viên (bổ nhiệm ngày 08/11/2014)
3 Bà Phạm Thị Mai Hương	Thành viên (miễn nhiệm ngày 08/11/2014)
4 Ông Nguyễn Đức Hiếu	Thành viên (miễn nhiệm ngày 08/11/2014)

Kiểm toán viên độc lập

Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm tài chính từ ngày 01/10/2014 đến ngày 31/03/2015 của Công ty được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI).

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất, phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31 tháng 03 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Đại diện cho:

Công ty Cổ phần Nông dược HAI



Tổng Giám đốc

Quách Thành Đông

Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 04 năm 2015



Số: 85 /2015/CPA HANOI - BCKT

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
*6 tháng đầu năm đầu năm tài chính từ ngày 01/10/2014 đến ngày 31/03/2015 của công ty Cổ phần Nông
dược HAI*

Kính gửi: CÁC CÔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kết thúc ngày 31/03/2015 của Công ty Cổ phần Nông dược HAI được lập ngày 23/04/2015 gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 03 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2014 đến 31/03/2015 được trình bày từ trang 05 đến trang 36 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính giữa niên độ này căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo Tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 về công tác soát xét Báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; Công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác Kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính đã được soát xét, được lập thành 06 bản tiếng Việt; các bản có giá trị pháp lý như nhau Công ty cổ phần Nông dược HAI giữ 05 bản, Công ty Kiểm toán và Kế toán Hà Nội giữ 01 bản.

Hà Nội, ngày 29 tháng 05 năm 2015

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI



Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên

Nguyễn Ngọc Tĩnh

Giấy CNDKHNKT số: 0132-2013-016-1

Nguyễn Thị Phấn

Giấy CNDKHNKT số: 0928-2013-016-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	1,494,170,138,307	687,641,832,830
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	45,569,925,180	42,371,058,629
1. Tiền	111	33,569,925,180	42,371,058,629
2. Các khoản tương đương tiền	112	12,000,000,000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	640,000,000,000	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	640,000,000,000	-
III. Các khoản phải thu	130	457,967,145,476	321,715,629,534
1. Phải thu khách hàng	131	463,241,862,320	343,234,036,756
2. Trả trước cho người bán	132	17,121,752,319	1,278,397,000
3. Các khoản phải thu khác	138	136,986,989	78,866,016
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139	(22,533,456,152)	(22,875,670,238)
IV. Hàng tồn kho	140	336,474,737,449	310,443,052,671
1. Hàng tồn kho	141	336,474,737,449	310,443,052,671
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	14,158,330,202	13,112,091,996
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	1,517,630,484	1,432,151,098
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	6,260,033,666	8,868,896,852
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	2,357,427,239	1,076,931,229
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	4,023,238,813	1,734,112,817
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200	125,615,910,819	131,893,356,528
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	-	-
II. Tài sản cố định	220	75,849,125,707	74,269,349,165
1. Tài sản cố định hữu hình	221	23,816,023,759	21,340,886,811
- Nguyên giá	222	45,933,980,586	42,120,274,543
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	(22,117,956,827)	(20,779,387,732)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	51,987,101,948	52,882,462,354
- Nguyên giá	228	61,653,679,407	61,653,679,407
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229	(9,666,577,459)	(8,771,217,053)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	46,000,000	46,000,000
III. Bất động sản đầu tư	240	-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	47,173,034,995	54,564,333,577
1. Đầu tư vào công ty con	251	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	37,162,084,995	37,610,793,035
3. Đầu tư dài hạn khác	258	11,223,590,000	25,400,990,000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán ĐT DH (*)	259	(1,212,640,000)	(8,447,449,458)
V. Tài sản dài hạn khác	260	2,593,750,117	3,059,673,786
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	2,259,600,642	2,789,458,804
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	328,149,475	264,214,982
3. Tài sản dài hạn khác	268	6,000,000	6,000,000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	1,619,786,049,126	819,535,189,358

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 36 là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng Báo cáo tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	4	5
A. NỢ PHẢI TRẢ	300	558,289,664,813	433,062,409,036
I. Nợ ngắn hạn	310	546,182,008,524	425,601,599,509
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	310,731,788,873	323,352,093,263
2. Phải trả người bán	312	220,041,294,381	80,410,159,066
3. Người mua trả tiền trước	313	1,209,163,052	333,663,904
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	452,025,824	9,474,344,139
5. Phải trả công nhân viên	315	3,251,262,408	3,502,992,922
6. Chi phí phải trả	316	676,684,257	606,888,142
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	595,824,168	746,632,567
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	9,223,965,561	7,174,825,506
II. Nợ dài hạn		12,107,656,289	7,460,809,527
1. Doanh thu chưa thực hiện	338	12,107,656,289	7,460,809,527
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	1,061,496,384,313	386,472,780,322
I. Vốn chủ sở hữu	410	1,061,496,384,313	386,472,780,322
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	869,999,550,000	173,999,910,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	130,419,932,500	84,582,464,000
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	141,997,856	141,997,856
4. Quỹ đầu tư phát triển	417	4,074,201,872	72,559,194,716
5. Quỹ dự phòng tài chính	418	18,066,106,557	16,069,850,861
6. Lợi nhuận chưa phân phối	420	38,794,595,528	39,119,362,889
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	1,619,786,049,126	819,535,189,358

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		
2. Nợ khó đòi đã xử lý		
3. Ngoại tệ các loại	USD 69,090.32	51,311.59
	EUR	

Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 04 năm 2015

Người lập biểu



Đỗ Thị Ngọc Út



Nguyễn Huỳnh Đăng



Tổng Giám đốc

Quách Thành Đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (08) 38 244 975 - Fax: (08) 38 221 484

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn kế toán từ
từ ngày 01/10/2014 đến ngày 31/03/2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2014 đến 31/03/2015

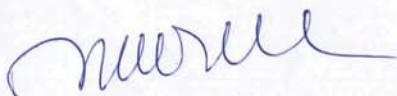
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	3	4	5	6
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.15	393,281,889,502	323,292,494,092	603,675,650,364	440,052,386,224
2. Các khoản giảm trừ	03	VI.16	-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10	VI.17	393,281,889,502	323,292,494,092	603,675,650,364	440,052,386,224
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.18	334,936,440,747	271,692,033,223	517,329,254,313	367,875,860,024
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	20		58,345,448,755	51,600,460,869	86,346,396,051	72,176,526,200
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.19	239,931,151	170,331,216	2,678,338,283	430,030,897
7. Chi phí tài chính	22	VI.20	5,541,894,070	6,506,418,853	3,339,192,993	10,922,563,728
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4,753,871,079	5,195,894,938	8,550,622,891	9,111,717,155
8. Chi phí bán hàng	24	VI.21	34,452,607,968	25,525,515,221	54,580,496,188	40,261,088,219
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.22	5,380,343,237	3,298,089,415	7,047,442,124	6,281,064,335
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		13,210,534,631	16,440,768,596	24,057,603,029	15,141,840,815
11. Thu nhập khác	31	VI.23	8,560,099,590	924,270,322	8,986,964,232	3,329,831,224
12. Chi phí khác	32		84,887,098	221,377,693	638,564,240	448,908,928
13. Lợi nhuận khác	40		8,475,212,492	702,892,629	8,348,399,992	2,880,922,296
14. Lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, LD	45		(278,318,169)	(455,279,077)	(450,358,714)	(455,279,077)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		21,407,428,954	16,688,382,148	31,955,644,307	17,567,484,034

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 36 là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng Báo cáo tài chính)

16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VL24	4,816,003,573	3,620,368,080	5,404,618,105	4,094,076,115
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(203,291,178)	(96,721,204)	(63,934,493)	(113,179,770)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		16,794,716,559	13,164,735,272	26,614,960,695	13,586,587,689
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		520	757	824	781

Người lập biểu



Đỗ Thị Ngọc út

Kế toán trưởng



Nguyễn Huỳnh Đăng

Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 04 năm 2015

Tổng Giám đốc



Quách Thành Đồng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2014 đến 31/03/2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/10/2014 đến 31/03/2015	Từ ngày 01/10/2013 đến 31/03/2014
			3	4
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		512,691,005,822	406,318,410,613
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02		(463,469,194,778)	(373,587,932,896)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(17,545,308,831)	(16,771,591,251)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(8,479,285,436)	(9,201,116,928)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(16,831,379,095)	(9,947,235,661)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		39,665,337,785	29,629,464,726
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(54,119,231,484)	(53,925,656,577)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(8,088,056,017)	(27,485,657,974)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(4,806,613,892)	(2,149,805,510)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		136,367,172	123,000,000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(640,000,000,000)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		16,092,925,000	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		333,509,267	387,398,197
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(628,243,812,453)	(1,639,407,313)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		652,499,662,500	
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại CP của DN đã phát hành	32		-	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	VII.26.1	417,817,443,391	305,577,507,410
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	VII.26.2	(430,788,832,515)	(245,343,853,550)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(17,399,329,800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		639,528,273,376	42,834,324,060
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		3,196,404,906	13,709,258,773
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		42,371,058,629	11,931,329,827
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61		2,461,645	(3,048,059)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	29	45,569,925,180	25,637,540,541

Người lập biểu



Đỗ Thị Ngọc út

Kế toán trưởng



Nguyễn Huỳnh Đăng

Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 04 năm 2015

Tổng Giám đốc



Quách Thành Đồng

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 36 là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2014 đến ngày 31/03/2015

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**1. Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Nông Dược HAI được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước là Công ty Bảo vệ thực vật II trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quyết định số 2616/QĐ/BNN-TCCB ngày 30/08/2004 của Thủ tướng chính phủ. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301242080, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 07/02/2005 và đăng kí thay đổi lần thứ 13 ngày 25/03/2015.

Công ty có trụ sở tại: 28 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

Vốn điều lệ của Công ty là: 869.999.550.000 đồng

(Bảng chữ: Tám trăm sáu mươi chín tỷ chín trăm bốn mươi chín triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng).

Các đơn vị trực thuộc công ty tính đến ngày 31/03/2015 gồm:

- 1 Chi nhánh công ty cổ phần Nông dược HAI tại Đồng Nai
Địa chỉ: ấp Trần Cao Văn xã Bàu Hàm 2, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.
- 2 Chi nhánh công ty cổ phần Nông dược HAI - Thừa Thiên Huế
Địa chỉ: 606 Lê Duẩn, phường Phú Thuận, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam.
- 3 Chi nhánh công ty cổ phần Nông dược HAI - Vĩnh Long
Địa chỉ: Tổ 33, ấp Long Thuận, xã Long Phước, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam
- 4 Chi nhánh công ty cổ phần Nông dược HAI - Kiên Giang
Địa chỉ: số 97A, ấp Phước Ninh, xã Mong Thọ B, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, Việt Nam
- 5 Chi nhánh công ty cổ phần Nông dược HAI - Tiền Giang
Địa chỉ: Km 1990, quốc lộ 1, ấp Mỹ Cần, xã Nhị Mỹ, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, Việt Nam.
- 6 Chi nhánh công ty cổ phần Nông dược HAI - Nghệ An
Địa chỉ: Số 19, đường Nguyễn Tiềm, khối 11, phường Đội Cung, TP Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam
- 7 Chi nhánh công ty cổ phần Nông dược HAI - Sóc Trăng
Địa chỉ: ấp Tân Phước, xã Đại Tâm, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam
- 8 Chi nhánh công ty cổ phần Nông dược HAI - An Giang
Địa chỉ: ấp Hoà Phú 1, thị trấn An Châu, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang, Việt Nam
- 9 Chi nhánh công ty cổ phần Nông dược HAI - Cần Thơ
Địa chỉ: Lô 30A4 khu công nghiệp Trà Nóc I, P Trà Nóc, Q Bình Thủy, TP Cần Thơ, Việt Nam
- 10 Chi nhánh công ty cổ phần Nông dược HAI - Hà Nội
Địa chỉ: Phòng 2404 nhà 24T1 khu đô thị Trung Hoà Nhân Chính, P Trung Hoà, Q Cầu Giấy, Hà Nội
- 11 Chi nhánh công ty cổ phần Nông dược HAI - Đồng Tháp
Địa chỉ: Số 407 Nguyễn Trãi, thị trấn Mỹ Thọ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam
- 12 Chi nhánh công ty cổ phần Nông dược HAI - Lâm Đồng
Địa chỉ: Số 25A, tổ 10 thôn Phi Nôm, xã Hiệp Thạnh, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam
- 13 Chi nhánh công ty cổ phần Nông dược HAI - Sơn La

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Địa chỉ: Tiểu khu 3, thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, Việt Nam

14 Chi nhánh công ty cổ phần Nông dược HAI - Đắk Lắk

Địa chỉ: Số 472, đường Võ Văn Kiệt, P Khánh Xuân, TP Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam.

Các công ty con:

1 Công ty TNHH Nông dược HAI Quy Nhơn.

2 Công ty TNHH Đầu tư và phát triển địa ốc HAI .

2 Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất hoá chất cơ bản.
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: mua bán hoá chất (trừ hoá chất có tính độc hại mạnh), phân bón. Mua, bán thuốc bảo vệ thực vật. Mua bán hạt nhựa.
- Sản xuất phân bón và hợp chất Nitơ.
- Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp: chi tiết sản xuất giống cây trồng.
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: mua bán giống cây trồng, hạt giống, cung cấp giống cây trồng.
- Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp. Chi tiết: Sản xuất thuốc bảo vệ thực vật.
- Trồng lúa.
- Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác.
- Trồng cây lấy sợi.
- Trồng cây có hạt chứa dầu.
- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh.
- Trồng cây ăn quả, trồng cây điều, trồng cây hồ tiêu, trồng cà phê, cây gia vị, cây dược liệu.
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết : cho thuê kho, văn phòng, kinh doanh bất động sản.
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: cho thuê máy móc thiết bị sản xuất ngành nông dược.
- Cho thuê xe có động cơ. Chi tiết: cho thuê xe tải.
- Quảng cáo, chi tiết: dịch vụ quảng cáo thương mại.
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận. Chi tiết : dịch vụ nghiên cứu thị trường.
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại, chi tiết : dịch vụ tiếp thị.

3 Danh sách Công ty con quan trọng được hợp nhất

Số các công ty con được hợp nhất: 02

Số các công ty con không được hợp nhất: 0

Tên Công ty con

Địa chỉ

Tỷ lệ lợi ích tại ngày
31/03/2015

Tỷ lệ quyền biểu
quyết tại ngày
31/03/2014

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

Cho kỳ hoạt động

Điện thoại: (08) 38 244 975 - Fax: (08) 38 221 484

từ ngày 01/10/2014 đến ngày 31/03/2015

<i>Công ty TNHH Nông dược HAI Quy Nhơn</i>	<i>Đường Tô Hiệu, cụm CN Quang Trung, P Quang Trung, TP Quy Nhơn</i>	<i>100.00%</i>	<i>100.00%</i>
<i>Công ty TNHH đầu tư và phát triển Địa ốc HAI</i>	<i>28 Mạc Đĩnh Chi, P Đa Kao, Q1, TP Hồ Chí Minh</i>	<i>100.00%</i>	<i>100.00%</i>

4 Danh sách Công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo vốn chủ sở hữu.

Tên Công ty liên kết	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích tại ngày 31/03/2015	Tỷ lệ quyền biểu quyết tại ngày 31/03/2014
<i>Công ty TNHH HAI Minh Long</i>	<i>Lô 02, HC07-HC08, KCN Xuyên á, Đức Hoà, Long An</i>	<i>50.00%</i>	<i>50.00%</i>
<i>Công ty CP TM Nông nghiệp sông Mê Kông</i>	<i>161 Quốc lộ 30, P Mỹ Phú, TP Cao Lãnh, Đồng Nai Lô J3, J4, J5, J6 KCN Minh Hưng - Hàn</i>	<i>30.00%</i>	<i>30.00%</i>
<i>Công ty CP Bốn Đứng</i>	<i>Quốc, xã Minh Hưng, Chơn Thành, Bình Phước</i>	<i>50.00%</i>	<i>30.00%</i>

II. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

- Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/10 năm nay và kết thúc vào ngày 30/09 năm sau .
- Đây là Báo cáo tài chính giữa niên độ nên kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01/10/2014 đến 31/03/2015.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: đồng Việt Nam (VND).

III. Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán áp dụng

- Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và các Thông tư sửa đổi, bổ sung kèm theo.
- Tuyên bố tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán:

Chúng tôi, Công ty cổ phần Nông dược HAI, tuyên bố tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành, phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Hình thức kế toán áp dụng:
Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán trên phần mềm máy vi tính.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Công cụ tài chính

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công cụ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm: các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả, các khoản nợ và các khoản vay.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: các khoản tiền mặt tại quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn, hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị của các khoản này.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

- + Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ đều được qui đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế. Chênh lệch tỷ giá của các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ được phản ánh vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- + Đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu không được khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho và phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Những chi phí không được tính và giá gốc hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.
- Chi phí bán hàng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ = Giá trị hàng tồn đầu kỳ + Giá trị hàng nhập trong kỳ - Giá trị hàng xuất trong kỳ. (Phương pháp tính giá hàng xuất kho theo phương pháp Bình quân gia quyền).

Phương pháp hạch toán tổng hợp hàng tồn kho: Theo phương pháp Kê khai thường xuyên.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình và thuê tài chính

Tài sản cố định của Công ty được hạch toán theo 03 chỉ tiêu: nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá của tài sản cố định được xác định là toàn bộ chi phí mà đơn vị đã bỏ ra để có được tài sản đó tính đến thời điểm đưa tài sản vào vị trí sẵn sàng sử dụng.

Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo thời gian sử dụng ước tính và theo phương pháp khấu hao đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/QĐ-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian KH
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 50 năm
Máy móc thiết bị	3 - 12 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị quản lý	3 - 10 năm
Tài sản cố định khác	3 - 5 năm
Tài sản cố định vô hình	3 - 50 năm

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn của Công ty bao gồm: các khoản tiền gửi có kỳ hạn, cho vay có thời hạn thu hồi dưới 01 năm và các khoản đầu tư ngắn hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty bao gồm đầu tư vào Công ty con, đầu tư vào Công ty liên kết, cho vay vốn có thời hạn thu hồi trên một năm và các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc, bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư hoặc ngày mua trái phiếu.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn:

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn được áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chính sách kế toán áp dụng cho chi phí đi vay Công ty thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán số 16 về Chi phí đi vay, cụ thể:

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phạt trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí trả trước dài hạn bao gồm

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Ghi nhận chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn:

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguồn vốn chủ sở hữu:

- Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Việc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được thực hiện theo điều lệ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn đồng thời cả bốn điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
 - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
 - Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
 - Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ
- Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn

Giá vốn của hoạt động chuyển nhượng đất có hạ tầng được xác định theo dự toán đầu tư.

Đối với hoạt động xây lắp: giá vốn được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh nhưng không vượt quá tỷ lệ khoán trên doanh thu đã ghi nhận trong kỳ đối với từng công trình. Tỷ lệ khoán được xác định theo từng hợp đồng giao khoán giữa Công ty và Xí nghiệp, chi nhánh và được áp dụng nhất quán cho các kỳ trong suốt quá trình thi công từng công trình.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận toàn bộ trên Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh là tổng chi phí tài chính không được vốn hoá phát sinh và không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở tổng thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế ngoại trừ:

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi các công ty trong Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự tính thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

242
NG
PH
GD
IA
PH

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (08) 38 244 975 - Fax: (08) 38 221 484

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động
từ ngày 01/10/2014 đến ngày 31/03/2015

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (ĐVT: VND)

1. Tiền	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
- Tiền mặt	2,420,600,696	3,805,101,419
<i>Công ty CP Nông dược HAI</i>	2,239,828,758	3,696,533,469
<i>Công ty TNHH Nông dược II Qui Nhơn</i>	150,636,843	108,567,950
<i>Công ty TNHH Đầu tư và phát triển địa ốc HAI</i>	30,135,095	-
- Tiền gửi Ngân hàng	27,793,413,784	38,565,957,210
<i>Tiền gửi VND</i>	26,310,791,177	37,481,129,953
<i>Công ty CP Nông dược HAI</i>	25,806,766,336	37,226,197,034
<i>Công ty TNHH Nông dược II Qui Nhơn</i>	304,664,746	254,932,919
<i>Công ty TNHH Đầu tư và phát triển địa ốc HAI</i>	199,360,095	-
<i>Tiền gửi ngoại tệ</i>	1,482,622,607	1,084,827,257
<i>Công ty CP Nông dược HAI</i>	1,482,622,607	1,084,827,257
- Tiền đang chuyển	3,355,910,700	-
<i>Công ty CP Nông dược HAI</i>	3,355,910,700	-
- Các khoản tương đương tiền	12,000,000,000	-
<i>Tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng trở xuống</i>	12,000,000,000	-
Cộng	45,569,925,180	42,371,058,629
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Đầu tư khác - Cty CPĐT địa ốc ALASA	640,000,000,000	-
Cộng	640,000,000,000	-
3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
3.1 Phải thu khách hàng	463,241,862,320	343,234,036,756
<i>CAGROCHEM COMPANY LIMITED</i>	12,868,709,000	16,007,102,740
<i>Cửa hàng Trường Sơn</i>	3,012,175,853	6,564,543,552
<i>Công ty Cổ phần Bell</i>	269,907,351	382,234,125
<i>Công ty Cổ phần Long Hiệp</i>	128,173,749,800	7,074,040,000
<i>Công ty Cổ phần Thức ăn chăn nuôi Spotlight</i>	14,136,627,000	-
<i>Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp hội nhập</i>	177,539,040	-
<i>Công ty Cổ phần BVTV và DVTM Nghệ An</i>	475,849,966	103,829,067
<i>Công ty Cổ phần DV Bảo vệ thực vật Nghệ An</i>	1,103,749,507	-
<i>Công ty Cổ phần Thương mại Thân Yến</i>	2,089,061,595	2,696,044,030
<i>Công ty TNHH MTV Minh Long Phát</i>	1,780,800,000	-
<i>Công ty TNHH Cường Tân</i>	174,950,138	-
<i>Công ty TNHH Duy Thành</i>	655,773,008	4,004,470,386
<i>Công ty TNHH MTV Hai Minh Long</i>	338,800,000	1,696,968,000
<i>Công ty TNHH Hải Quốc Cường</i>	6,760,642,664	5,918,704,922
<i>Công ty TNHH Hóa Nông Đồng Phát</i>	347,687,760	-
<i>Công ty TNHH MTV Phước Duy</i>	1,102,245,512	1,212,245,512
<i>Công ty TNHH MTV Tấn Lộc</i>	100,464,004	-
<i>Công ty TNHH MTV Thanh Nga</i>	169,984,046	-
<i>Công ty TNHH MTV Thiện Thành Vinh</i>	297,002,039	259,939,789
<i>Công ty TNHH MTV Trùng Dương</i>	119,120,854	121,791,860
<i>Công ty TNHH MTV Hưng Thái</i>	82,521,988	-
<i>Công ty TNHH MTV Tiến Hưng</i>	1,156,777,384	-

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

Cho kỳ hoạt động

Điện thoại: (08) 38 244 975 - Fax: (08) 38 221 484

từ ngày 01/10/2014 đến ngày 31/03/2015

Công ty TNHH MTV Tiến Lợi Đăk Nông	374,606,256	273,050,256
Công ty TNHH Nghĩa Thắm	82,641,604	429,225,302
Công ty TNHH Ngọc Khánh	262,020,900	308,300,900
Công ty TNHH Nguyên Duy Nga	752,738,280	752,738,280
Công ty TNHH Nông Phú	393,042,048	-
Công ty TNHH Phát Thành	403,401,600	2,100,274,724
Công ty TNHH Quốc Tế Nông Nghiệp Vàng	478,820,160	-
Công ty TNHH Sen Tra	224,982,000	281,232,000
Công ty TNHH SX- DV - TM Tân Phú Nông	7,220,813	145,728,287
Công ty TNHH Tân Sáng	360,015,390	89,065,431
Công ty TNHH TM DV Nông Nghiệp Tài Lộc CNB	1,992,800,000	1,992,800,000
Công ty TNHH TM DV Thanh Yên	7,058,267,677	10,828,193,019
Công ty TNHH TM DV Tân Minh Hạnh	195,685,526	195,685,526
Công ty TNHH Toàn Phát Lộc	73,277,200	375,027,303
Công ty CP Vật tư nông nghiệp Thừa Thiên Huế	432,464,897	1,044,533,700
Công ty CP Hóc Môn	41,492,212,206	10,499,118,154
Công ty TNHH Thiên Thủy Dương	298,335,466	316,935,537
Công ty TNHH TM - DV Kim Ngoan	212,653,862	-
Công ty TNHH ĐT TM và PT Nông nghiệp VN	248,555,500	-
Công ty TNHH DV và TM Quyết Hiên	192,228,238	103,647,692
Công ty TNHH Giống cây trồng Bắc Trung Bộ	61,551,850	133,119,600
Công ty TNHH Hưng Thạnh Phát	-	2,103,058,452
Công ty TNHH Minh Long	7,006,064,650	2,504,643,540
Công ty TNHH MTV Đông Dương	103,185,362	103,185,362
Công ty TNHH MTV Tái Hưng	213,297,499	1,816,836,484
Công ty TNHH MTV Thùy Lan	216,821,731	216,821,731
Công ty TNHH MTV Nam Phát	-	2,038,470,840
Công ty TNHH Nông Dược Huỳnh Hưng	1,304,374,050	588,557,393
Công ty TNHH Thương mại HK	5,550,190,888	5,368,552,738
Công ty TNHH TM&DV Nông Nghiệp Mạnh Hùng	354,833,929	451,102,729
Cửa hàng đại lý thuốc BVTV Đỗ Kiều Hưng	1,515,998,417	2,379,998,417
Cửa hàng đại lý thuốc BVTV Phạm Thị Tiên	73,204,816	73,204,816
Cửa hàng đại lý thuốc BVTV Sinh	1,243,800,008	3,600,000,008
Cửa hàng đại lý thuốc BVTV Tiệp	-	165,954,518
Cửa hàng Đào Thị Tài	1,840,000,000	2,334,840,000
Cửa hàng hạt giống và nông dược Trúc Phượng	801,554,114	599,999,295
Cửa hàng Hiệp Hòa	-	319,150,660
Cửa hàng Hoàng Văn Năng	222,019,633	139,114,033
Cửa hàng Hồng Ất	493,355,497	329,710,105
Cửa hàng Hương Hiến	175,497,292	175,128,674
Cửa hàng Huỳnh Thị Trông	844,897,319	892,497,319
Cửa hàng Lê Văn Thanh	-	1,438,163,000
Cửa hàng Nguyễn Quốc Nam	353,020,259	353,020,259
Cửa hàng Nguyễn Thị Khanh	55,000,000	595,000,000
Cửa hàng Nguyễn Thị Thu Huyền	335,178,128	168,524,922
Cửa hàng Nguyễn Văn Dương	2,789,186,100	5,252,570,400
Cửa hàng Nguyễn Văn Ka	19,322,500,000	22,957,560,000
Cửa hàng Nguyễn Văn Toàn	-	1,542,730,635
Cửa hàng Phạm Ngọc Bích	660,000,000	1,020,000,000
CH phân bón và thuốc trừ sâu Phạm Thị Thu Bẩy	3,380,412,969	627,867,790

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (08) 38 244 975 - Fax: (08) 38 221 484

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động
từ ngày 01/10/2014 đến ngày 31/03/2015

Cửa hàng Tân Thái Xương	-	105,498,700
Cửa hàng thuốc BVTV Đặng Thị Vui	82,904,448	-
Cửa hàng thuốc BVTV Đạt - Nhĩ	160,256,532	274,246,263
Cửa hàng thuốc BVTV Lê Khắc Chuyên	948,158,466	116,335,800
Cửa hàng thuốc BVTV Lê Thị ánh	1,266,298,132	1,874,716,632
Cửa hàng thuốc BVTV Lê Văn Thịnh	117,613,289	-
Cửa hàng thuốc BVTV Phan Thị Thơm	401,972,029	666,756,499
Cửa hàng thuốc trừ sâu Tiếp	619,531,650	56,480,465
Cửa hàng Trần Thị Ngọc Trân	124,070,000	124,070,000
Cửa hàng Trần Thị Nguyên	1,059,849,960	6,008,149,960
Cửa hàng Trương Thị Mỹ Nguyệt	2,672,200,000	2,672,200,000
Cửa hàng Tuấn Sen	318,642,391	252,334,391
Cửa hàng Vật tư Nông dược Trần Thanh Phong	378,695,819	378,695,819
Cửa hàng Vật tư Nông nghiệp	11,720,788,080	11,757,054,226
Cửa hàng Vật tư Nông nghiệp Dũng Tâm	-	1,145,791,142
Cửa hàng Vật tư Nông nghiệp Hai Quan	387,691,505	-
Cửa hàng Vật tư Nông nghiệp Hoạch	-	67,652,918
Cửa hàng Vật tư Nông nghiệp Huệ Lan	206,688,940	-
Cửa hàng Vật tư Nông nghiệp Nga Hạ	12,851,887	642,341,574
Cửa hàng Vật tư Nông nghiệp Ngọc Anh	336,008,400	-
Cửa hàng Vật tư Nông nghiệp Nguyễn Thanh Tuyền	89,151,220	-
Cửa hàng Vật tư Nông nghiệp Nguyễn Thị Sam	314,890,800	324,517,200
Cửa hàng Vật tư Nông nghiệp Nguyễn Văn Nhiều	569,998,870	-
Cửa hàng Vật tư Nông nghiệp Nhật Thông	6,265,656,262	5,011,696,198
Cửa hàng Vật tư Nông nghiệp Phạm Trường Giang	105,051,345	-
Cửa hàng Vật tư Nông nghiệp Quốc Hưng	772,115,030	1,456,635,295
Cửa hàng Vật tư Nông nghiệp Quý Sơn	266,490,896	212,245,800
Cửa hàng Vật tư Nông nghiệp Tấn Tài	64,977,998	284,977,998
Cửa hàng Vật tư Nông nghiệp Thanh Hà	1,809,531,516	392,997,319
Cửa hàng Vật tư Nông nghiệp Thanh Nga	8,339,725,743	8,359,725,743
Cửa hàng Vật tư Nông nghiệp Trịnh Ngọc Tuấn	875,696,640	-
Cửa hàng Vật tư Nông nghiệp Văn Lang	745,016,134	5,403
Cửa hàng Vật tư Nông nghiệp Võ Hoàng Dũng	1,844,315,600	2,103,336,155
Cửa hàng Vật tư Nông nghiệp Bửu Cường	213,949,092	-
Cửa hàng Vật tư Nông nghiệp Cao Phát	654,386,532	1,925,444,032
Cửa hàng Vật tư Nông nghiệp Chu Hạnh	139,440,086	147,144,142
Cửa hàng Vật tư Nông nghiệp Hai Sum 2	688,931,250	-
Cửa hàng Vật tư Nông nghiệp Hồ Đoàn	43,204,518	78,309,840
Cửa hàng Vật tư Nông nghiệp Hùng Mai	210,650,580	-
Cửa hàng Vật tư Nông nghiệp Hữu Chơn	-	612,360,000
Cửa hàng Vật tư Nông nghiệp Huỳnh Thị Hoan	132,072,696	-
Cửa hàng Vật tư Nông nghiệp Lê Thị Thanh	143,602,540	-
Cửa hàng Vật tư Nông nghiệp Liễu Ba Tỷ	2,709,565,589	3,072,323,466
Cửa hàng Vật tư Nông nghiệp Minh Sự	-	99,523,225
Cửa hàng Vật tư Nông nghiệp Ngô Văn Phước	2,667,498,213	4,098,886,894
Cửa hàng Vật tư Nông nghiệp Nguyễn Quốc Khoa Thi	372,584,364	22,646,500
Cửa hàng Vật tư Nông nghiệp Nguyễn Truyền Thống	46,603,700	186,674,608
Cửa hàng Vật tư Nông nghiệp Nguyễn Văn Đèo	1,112,133,981	1,240,303,680
Cửa hàng Vật tư Nông nghiệp Nguyễn Văn Lược	1,471,934,935	1,471,934,935
Cửa hàng Vật tư Nông nghiệp Phạm Thị Xuyên	1,639,498,387	-

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

Cho kỳ hoạt động

Điện thoại: (08) 38 244 975 - Fax: (08) 38 221 484

từ ngày 01/10/2014 đến ngày 31/03/2015

Cửa hàng Vật tư Nông nghiệp Phước Hạnh	55,777,857	73,921,857
Cửa hàng Vật tư Nông nghiệp Sáu Nở 2	109,011,000	27,216,000
Cửa hàng Vật tư Nông nghiệp Tài Lộc	585,184,326	-
Cửa hàng Vật tư Nông nghiệp Tân Phát	235,957,414	469,582,738
Cửa hàng Vật tư Nông nghiệp Tích Thảo	1,144,382,868	1,144,382,868
Cửa hàng Vật tư Nông nghiệp Trần Văn Tám	93,307,200	93,307,200
Cửa hàng Vật tư Nông nghiệp Trương Thành Võ	838,325,544	504,100,800
Cửa hàng Vật tư Nông nghiệp Tư Hùng	443,540,313	416,330,613
Cửa hàng Vật tư Nông nghiệp út Tỷ	96,495,525	90,720,000
Cửa hàng Vật tư Nông nghiệp Việt 2	316,368,864	-
Cửa hàng Vật tư Nông nghiệp Vũ Linh	-	3,942,659,085
Cửa hàng Vật tư Nông nghiệp Xuân Trinh	1,688,971,947	2,538,971,947
Cửa hàng Vật tư Nông nghiệp Xuân Trường	128,602,473	128,602,473
Cửa hàng Vật tư Nông nghiệp Mỹ Châu	-	75,000,000
Đại lý 255, Lê Văn Mười	1,317,060,207	1,533,182,927
Đại lý Đặng Thanh Tùng	4,157,198,579	2,345,177,856
Đại lý Đức Hòa	736,962,275	290,052,000
Đại lý Dương Tân Đông	331,034,958	113,581,480
Đại lý Hà Hà	11,862,254	193,955,854
Đại lý Hạt giống Phú - Như ý	658,400,000	658,400,000
Đại lý Lân Tuyển	12,212,046,000	16,468,172,000
Đại lý Lê Hoàng Đạt	45,931,667	552,787,584
Đại lý Lê Ngọc Thọ	-	198,521,655
Đại lý Năm Chiêng	-	4,745,202,000
Đại lý Ngọc Diệp	1,693,761,706	2,893,967,496
Đại lý Ngọc Huệ	552,059,777	-
Đại lý Nguyễn Thành Long	1,171,304,419	-
Đại lý Nguyễn Văn Trung	628,553,000	828,553,000
Đại lý Nông dược Sáu Tỷ	1,794,720,802	1,523,684,650
Đại lý Nông Tín	294,163,800	294,163,800
Đại lý Phạm Thị Kim Ngọc	75,277,628	7,115,533
Đại lý Phỉ Oanh	114,256,692	755,442,744
Đại lý Phúc Hưng	2,824,727,097	2,091,078,817
Đại lý Phương Lâm	2,352,688,538	2,752,688,538
Đại lý Thuốc BVTV Bình Lệ	6,457,279,386	6,470,279,386
Đại lý Thuốc BVTV Dũng Hương	185,326,373	-
Đại lý Thuốc BVTV Minh Trí	1,867,667,520	2,108,945,110
Đại lý Thuốc BVTV Nguyễn Bá Tuấn	200,439,032	158,544,020
Đại lý Thuốc BVTV Nguyễn Đức Tâm	459,107,937	459,107,937
Đại lý Thuốc BVTV Nguyễn Hữu Hòa	89,509,500	89,509,500
Đại lý Thuốc BVTV Nguyễn Thị Chang Thư	447,153,013	226,329,879
Đại lý Thuốc BVTV Nguyễn Thị Dân	160,741,020	113,545,932
Đại lý Thuốc BVTV Nguyễn Thị Kim Huệ	5,346,484,222	7,346,652,842
Đại lý Thuốc BVTV Nguyễn Thị Quốc Trinh	2,582,434,693	691,811,373
Đại lý Thuốc BVTV Nguyễn Tuấn An	59,849,667	217,574,667
Đại lý Thuốc BVTV Nguyễn Văn Cương	557,806,367	-
Đại lý Thuốc BVTV Nguyễn Văn Thum	320,812,800	380,396,800
Đại lý Trần Văn Hùng	124,964,148	260,065,256
Đại lý Trần Vĩnh Huy	-	111,040,000
Đại lý Trần Vĩnh Trường	-	2,109,213,843

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

Cho kỳ hoạt động

Điện thoại: (08) 38 244 975 - Fax: (08) 38 221 484

từ ngày 01/10/2014 đến ngày 31/03/2015

<i>Đại lý Trần Xuân Mai</i>	3,974,894,257	3,974,894,257
<i>Đại lý Trương Hoàng Thành</i>	108,203,655	51,166,080
<i>Đại lý Trương Thu</i>	-	3,723,594,000
<i>Đại lý Tuấn út</i>	9,700,789,000	14,086,000,000
<i>Đại lý Vật tư Nông nghiệp Bùi Hồng Xuân</i>	1,234,288,237	696,184,722
<i>Đại lý Vật tư Nông nghiệp Minh Hùng</i>	-	180,115,035
<i>Đại lý Vật tư Nông nghiệp Vũ Hà</i>	6,001,428,241	7,576,415,641
<i>Đại lý Võ Thị Nhung</i>	-	6,381,900,000
<i>Đại lý Võ Văn Dũng</i>	350,828,411	391,398,311
<i>Đại lý VTNN Châu Thành</i>	170,500,400	170,500,400
<i>Đại lý VTNN Đại Nghĩa</i>	1,488,690,913	681,246,720
<i>Đại lý VTNN Dương Bạch Nga</i>	635,036,123	1,058,397,880
<i>Đại lý VTNN Hiến Quỳnh</i>	674,474,111	531,709,818
<i>Đại lý VTNN Tấn Đạt</i>	801,294,656	1,327,501,656
<i>Đại lý Vương Thủy</i>	1,107,536,100	1,096,498,500
<i>Đại lý Phân bón và Thuốc BVTV Hoàng Dung</i>	200,665,673	500,665,673
<i>Đại Lý ND Hoàng Nam</i>	456,321,794	461,321,794
<i>DNTN Bình Dương</i>	2,451,400,000	5,543,559,226
<i>DNTN Năm Loạn</i>	710,891,790	513,122,400
<i>DNTN Trí Đạt Thành</i>	156,269,830	156,269,830
<i>Đỗ Thụy Thoa</i>	1,171,174,621	585,950,590
<i>Doanh nghiệp tư nhân Cường Việt</i>	-	550,943,429
<i>Doanh nghiệp tư nhân Đình Vân</i>	3,633,896,910	1,064,629,755
<i>Doanh nghiệp tư nhân Ngọc Lợi</i>	3,496,613,816	3,496,613,816
<i>Doanh nghiệp tư nhân Phong Yêm</i>	917,700,000	-
<i>Doanh nghiệp tư nhân Phúc Vượng</i>	2,300,185,723	1,633,630,223
<i>DOW AGROSCIENCES (MALAYSIA) SDN BHD</i>	6,568,313,542	1,830,364,705
<i>Hộ kinh doanh Duy Hiến</i>	177,618,853	129,624,679
<i>Hộ kinh doanh Trần Thị Búp</i>	2,617,600,000	2,817,600,000
<i>Hộ kinh doanh Trần Văn Thịnh</i>	942,320,000	1,042,320,000
<i>Khách lẻ - Huế</i>	141,666,544	57,211,789
<i>Khách lẻ - Đồng Tháp</i>	-	190,361,324
<i>Khách lẻ - Sơn La</i>	53,682,000	2,198,820,000
<i>NISSAN CHEMICAL</i>	-	934,824,000
<i>Siêu thị thuốc BVTV Thanh Hà</i>	108,571,730	-
<i>SUMMIT AGRO INTERNATIONAL LTD</i>	-	63,738,000
<i>Trạm BVTV Huyện Lệ Thủy - Quảng Bình</i>	527,254,618	267,136,267
<i>Trạm BVTV Nghĩa Đàn</i>	208,829,758	208,829,758
<i>Trạm TCKD & BVTV Liên Hội</i>	101,960,785	101,960,785
<i>Khách hàng khác</i>	1,565,390,544	1,925,683,051
<i>Phải thu khách hàng của công ty TNHH HAI Quy Nhơn</i>	17,949,110,589	13,226,925,946
3.2 Trả trước cho người bán	17,121,752,319	1,278,397,000
<i>Hangzhou Ruijiang chemical Co, Ltd</i>	164,234,875	-
<i>Khách hàng lẻ Hồ Chí Minh</i>	819,530,044	1,219,397,000
<i>Khách hàng lẻ Kiên Giang</i>	47,115,000	-
<i>Cty CP đầu tư TC và quản lý tài sản RTS</i>	16,000,000,000	-
<i>Khách hàng lẻ Tiền Giang</i>	90,872,400	59,000,000
3.3 Phải thu khác	136,986,989	78,866,016
<i>DOW AGROSCIENCES (MALAYSIA) SDN BHD</i>	37,116,295	37,116,295

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

Cho kỳ hoạt động

Điện thoại: (08) 38 244 975 - Fax: (08) 38 221 484

từ ngày 01/10/2014 đến ngày 31/03/2015

<i>Phải thu BHXH</i>	153,180	-
<i>Lê Phát Minh</i>	5,600,415	-
<i>Trần Văn Tín</i>	999,938	-
<i>Biện Phương Đông</i>	984,500	-
<i>Nguyễn Huỳnh Đăng</i>	16,387,372	-
<i>Trần Tuấn Lộc</i>	70,675,606	21,003,527
<i>Cao Thanh Bình</i>	-	1,540,000
<i>Nguyễn Thanh Xuân</i>	2,000,000	-
<i>Hà Việt Thịnh</i>	3,040,000	-
<i>Phải thu CBCNV TNHH HAI Quy Nhơn</i>	-	19,176,511
<i>Phải thu khác - dư nợ TK 338</i>	29,683	29,683
3.4 Dự phòng phải thu khó đòi	(22,533,456,152)	(22,875,670,238)
Cộng	457,967,145,476	321,715,629,534
4. Hàng tồn kho	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<i>Nguyên liệu vật liệu</i>	7,314,541,026	7,677,082,200
<i>CP SXKD dở dang</i>	8,558,691,501	1,780,046,501
<i>Thành phẩm</i>	16,406,282,946	10,723,550,885
<i>Hàng hóa</i>	263,182,944,093	261,363,494,519
<i>Hàng gửi bán</i>	41,012,277,883	28,898,878,566
Cộng giá gốc hàng tồn kho	336,474,737,449	310,443,052,671
5. Tài sản ngắn hạn khác	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
5.1 Chi phí trả trước ngắn hạn	1,517,630,484	1,432,151,098
Chi phí trả trước ngắn hạn thuê văn phòng	941,066,214	99,827,720
Chi phí trả trước ngắn hạn thuê dịch vụ	81,429,316	796,912,668
Chi phí trả trước bảo hiểm	357,168,934	338,708,132
Chi phí trả trước sửa chữa và phụ tùng thay thế	99,143,151	122,945,614
Chi phí trả trước khác	38,822,869	73,756,964
5.2 Thuế GTGT còn được khấu trừ	6,260,033,666	8,868,896,852
Thuế GTGT của HHDV - Cty mẹ	6,138,959,238	8,681,097,306
Thuế GTGT của tài sản cố định - Cty mẹ	58,817,019	-
Thuế GTGT của HHDV - HAI Quy Nhơn	59,685,790	187,799,546
Thuế GTGT của HHDV - Địa ốc HAI	2,571,619	-
5.3 Thuế và các khoản phải thu nhà nước	2,357,427,239	1,076,931,229
Thuế GTGT nộp trước	37,793,033	685,553,238
Thuế xuất nhập khẩu nộp trước	7,334,635	391,377,991
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	2,312,299,571	-
5.4 Tài sản ngắn hạn khác	4,023,238,813	1,734,112,817
Tạm ứng - Công ty mẹ	3,508,247,340	1,458,317,744
Tạm ứng - HAI Quy Nhơn	339,981,473	106,795,073
Tạm ứng -Địa ốc HAI	6,010,000	-
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn(C ty mẹ)	169,000,000	169,000,000
Cộng	14,158,330,202	13,112,091,996

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Công ty Cổ phần Nông dược HAI

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 38 244 975 - Fax: (08) 38 221 484

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/10/2014 đến ngày 31/03/2015

6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	PTVT - truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá tài sản cố định					
Số dư đầu kỳ	19,494,554,588	5,889,413,861	16,310,920,573	425,385,521	42,120,274,543
- Mua trong kỳ			4,585,887,862		4,585,887,862
- XDCB hoàn thành					-
- Tăng khác					-
- Chuyển sang BĐS đầu tư					-
- Thanh lý, nhượng bán			772,181,819		772,181,819
- Giảm khác			-	-	-
Số dư cuối kỳ	19,494,554,588	5,889,413,861	20,124,626,616	425,385,521	45,933,980,586
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	6,110,945,341	4,779,143,724	9,688,635,659	200,663,008	20,779,387,732
- Khấu hao trong kỳ	413,083,074	290,054,844	1,015,438,654	33,661,368	1,752,237,940
- Tăng khác					-
- Chuyển sang BĐS đầu tư					-
- Thanh lý, nhượng bán			413,668,845		413,668,845
- Giảm khác					-
Số dư cuối kỳ	6,524,028,415	5,069,198,568	10,290,405,468	234,324,376	22,117,956,827
Giá trị còn lại của TSCĐ					
- Tại ngày đầu kỳ	13,383,609,247	1,110,270,137	6,622,284,914	224,722,513	21,340,886,811
- Tại ngày cuối kỳ	12,970,526,173	820,215,293	9,834,221,148	191,061,145	23,816,023,759

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là : 9.013.454.203 VND

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

11/10/2014

Công ty Cổ phần Nông dược HAI

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 38 244 975 - Fax: (08) 38 221 484

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/10/2014 đến ngày 31/03/2015

7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Bản quyền bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hoá	Phần mềm máy tính	Giấy phép và giấy nhượng quyền	Tổng cộng
Nguyên giá tài sản cố định						
Số dư đầu kỳ	57,020,303,608	593,310,000	1,621,260,478	1,964,403,321	454,402,000	61,653,679,407
- Mua trong kỳ						-
- XDCB hoàn thành					-	-
- Tăng khác					-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư					-	-
- Thanh lý, nhượng bán					-	-
- Giảm khác					-	-
Số dư cuối kỳ	57,020,303,608	593,310,000	1,621,260,478	1,964,403,321	454,402,000	61,653,679,407
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	5,855,677,898	101,361,660	1,306,985,257	1,473,112,091	34,080,147	8,771,217,053
- Khấu hao trong kỳ	515,420,688	39,868,122	130,965,608	186,385,890	22,720,098	895,360,406
- Tăng khác						-
- Chuyển sang BĐS đầu tư					-	-
- Thanh lý, nhượng bán					-	-
- Giảm khác					-	-
Số dư cuối kỳ	6,371,098,586	141,229,782	1,437,950,865	1,659,497,981	56,800,245	9,666,577,459
Giá trị còn lại của TSCĐ						
- Tại ngày đầu kỳ	51,164,625,710	491,948,340	314,275,221	491,291,230	420,321,853	52,882,462,354
- Tại ngày cuối kỳ	50,649,205,022	452,080,218	183,309,613	304,905,340	397,601,755	51,987,101,948

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là : 1.014.984.853VND.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

PHỤ LỤC BẢNG TÀI CHÍNH

Công ty Cổ phần Nông dược HAI

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 38 244 975 - Fax: (08) 38 221 484

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/10/2014 đến ngày 31/03/2015

8. Đầu tư dài hạn khác

	Tỷ lệ QSH	Vốn góp theo phương pháp giá gốc đến 31/3/2015		Vốn góp theo phương pháp vốn chủ sở hữu đến 31/3/2015
- Đầu tư Công ty liên doanh Liên Kết		38,000,000,000		37,162,084,995
Công ty TNHH HAI Minh Long	50%	11,000,000,000		11,184,152,159
Công ty CP TM Nông nghiệp sông Mê Kông	30%	12,000,000,000		12,004,137,421
Công ty CP Bốn Đúng	50%	15,000,000,000		13,973,795,415
	SL cổ phần	Số cuối kỳ	SL cổ phần	Số đầu kỳ
- Đầu tư dài hạn khác		11,223,590,000		25,400,990,000
Công ty CP Khử trùng Giám định Việt Nam	214,800	8,974,200,000	214,800	8,974,200,000
Công ty CP Bảo vệ thực vật Sài Gòn	71,500	2,249,390,000	71,500	2,249,390,000
Cổ phiếu ngân hàng TM Việt Á			643,717	14,177,400,000
		Số cuối kỳ		Số đầu kỳ
- Dự phòng đầu tư dài hạn		(1,212,640,000)		(8,447,449,458)
Công ty CP Bảo vệ thực vật Sài Gòn		(1,212,640,000)		(1,162,590,000)
Cổ phiếu ngân hàng TM Việt Á		-		(7,284,859,458)
Cộng		48,010,950,000		54,115,625,537

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)



9.	Chi phí trả trước dài hạn	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	Phí, lệ phí trả trước nhiều năm	62,683,683	261,057,192
	Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	746,749,294	966,587,839
	Phân bổ Công cụ dụng cụ	1,360,098,811	1,360,665,071
	Chi phí đào tạo nhân viên	74,666,668	93,333,334
	Chi phí trả trước dài hạn khác	15,402,186	107,815,368
	Cộng	2,259,600,642	2,789,458,804
10.	Vay và nợ ngắn hạn	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
a.	Vay ngắn hạn	310,731,788,873	323,352,093,263
	NH Nông nghiệp & PTNT CN Phú Nhuận-VND	-	10,868,687,900
	NH HSBC-VND (a)	7,919,850,000	60,813,440,407
	NH ACB CN Ông Ích Khiêm -VND (b)	8,019,723,996	18,410,064,000
	Ngân hàng TNHH MTV ANZ-VND (c)	70,435,967,995	39,753,521,574
	Ngân hàng Hong Leong TPHCM - VND	19,763,412,320	26,347,358,084
	Ngân hàng Shinhan VN- CNTPHCM- VND	41,353,898,034	-
	Ngân hàng Natixis CNTP.HCM-VND	-	40,839,999,981
	NHTMCP Công thương VN-CN1-TPHCM- VND	99,534,619,000	70,487,917,213
	Ngân hàng VIB Sài Gòn - VND	20,160,000,000	-
	Ngân hàng Sacombank CN Bình Định - VND (d)	1,400,000,000	1,400,000,000
	NH HSBC-USD (a)	23,521,855,928	54,431,104,104
	Ngân hàng Hong Leong TPHCM - USD	18,622,461,600	-
b.	Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
	Cộng	310,731,788,873	323,352,093,263
	<i>Vay ngắn hạn ngân hàng HSBC được thế chấp bằng toàn bộ các khoản thanh toán ("khoản phải thu") phát sinh từ các hợp đồng mua bán, hợp đồng thuê tài sản, hợp đồng cung cấp hàng hoá dịch vụ, các hợp đồng khác và các khoản thanh toán khác phát sinh từ, bao gồm nhưng không giới hạn ở, việc bán tài sản của bên vay, khoản chuyển tiền/ thanh toán từ công ty mẹ/ công ty liên kết/ công ty con của bên vay hay từ bên thứ ba bất kỳ cho bên vay, mà theo đó bên vay sẽ nhận được các khoản tiền từ các hợp đồng và việc chuyển tiền thanh toán đó cùng với tiền lãi phát sinh từ các khoản phải thu đó.</i>		
(a)	<i>Vay ngắn hạn ngân hàng ACB được thế chấp bằng toàn bộ hàng tồn kho bình quân gồm nguyên liệu và thành phẩm là thuốc bảo vệ thực vật trị giá một trăm tỷ đồng chẵn.</i>		
(b)	<i>Vay ngắn hạn ngân hàng ANZ được thế chấp bằng toàn bộ hàng hoá hay hàng tồn kho tại kho của Công ty và kho các chi nhánh với giá trị ròng ghi trên sổ sách ít nhất bằng 2.500.000USD do bên vay sở hữu và tất cả các quyền và lợi ích liên quan đến hàng hoá hay hàng tồn kho đó.</i>		
(c)	<i>Các khoản vay còn lại tại Công ty mẹ được thế chấp bằng hàng tồn kho luân chuyển và/ hoặc khoản phải thu.</i>		
(c)	<i>Vay ngắn hạn ngân hàng Sacomban CN Bình Định được thế chấp bằng toàn bộ công trình xây dựng trên đất toạ lạc tại thửa đất số 72 nhà kho và nhà làm việc cùng xe ô tô bán tải cabin kép hiệu TOYOTA 5 chỗ ngồi sx năm 2011 biển số 77C - 010.63, xe ô tô tải thùng biển số 77C-022.52</i>		
11.	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	Thuế TNDN	284,310,123	9,398,771,542

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Công ty Cổ phần Nông dược HAI		Thuyết minh Báo cáo tài chính	
Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh		Cho kỳ hoạt động	
Điện thoại: (08) 38 244 975 - Fax: (08) 38 221 484		từ ngày 01/10/2014 đến ngày 31/03/2015	
	Công ty CP Nông dược HAI (công ty mẹ)	-	9,164,112,630
	Công ty TNHH HAI Qui Nhơn	284,310,123	234,658,912
	Thuế TNCN	167,715,701	75,572,597
	Công ty CP Nông dược HAI (công ty mẹ)	163,424,348	72,015,270
	Công ty TNHH ĐT và PT địa ốc HAI	250,000	-
	Công ty TNHH Nông dược HAI Qui Nhơn	4,041,353	3,557,327
	Cộng	452,025,824	9,474,344,139
12.	Chi phí phải trả:	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	Chi phí lãi vay phải trả	583,795,368	512,509,198
	Chi phí khác	92,888,889	94,378,944
	Cộng	676,684,257	606,888,142
13.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
13.1	Phải trả người bán	220,041,294,381	80,410,159,066
<i>a</i>	<i>Công ty CP Nông dược HAI</i>		
	Allied Aces PTE LTD	537,404,840	-
	Aquarius International	2,059,680,000	883,741,650
	Chi nhánh công ty TNHH SX & TM Nam Long Phát	1,454,011,502	956,575,805
	Công ty CP Kiên Nam	-	187,556,250
	Công ty CP Long Hiệp	13,821,414,233	805,166,019
	Công ty TNHH Dekalb Việt Nam	18,807,993,000	36,679,360,000
	Công ty TNHH giấy Yuen Foong Yu(VN)	247,818,561	61,439,400
	Công ty TNHH Hai Minh Long	347,732,400	399,831,625
	Công ty TNHH hóa chất công nghệ Samsung VN	-	417,728,300
	Công ty TNHH Lưu Huỳnh Việt	-	456,120,000
	Công ty TNHH MTV Thiên Kha	94,409,568	48,968,568
	Công ty TNHH TAT Petroleum Việt Nam	363,000,000	284,422,600
	Công ty TNHH TMDV tiếp thị bao bì hóa chất	124,000,000	407,800,000
	Crop protection agro	2,559,502,546	2,585,644,524
	Công ty CP bao bì nhựa sofa	574,062,500	649,914,650
	Công ty CP bao bì nhựa Tân Tiến	136,743,750	533,573,920
	Công ty CP Hóc Môn	3,430,139,213	639,671,840
	Công ty CP dịch vụ viễn thông và in bưu điện	68,750,000	-
	Công ty CP Đồng Anh	241,500,000	-
	Công ty TNHH Minh Long	321,609,506	2,549,769,096
	Công ty TNHH MTV TM DV Đại Hải Vương	467,035,615	432,274,964
	Công ty TNHH SX & TM nhựa Cường Phát	50,084,496	108,168,500
	Công ty TNHH SX TM Nam Long Phát	96,468,653	16,811,894
	Công ty TNHH Tm SX bao bì Hồng An	184,998,814	219,021,359
	Đại lý 255 Lê Văn Mườì	371,009,950	462,520,800
	Dow Agrosiences(Malaysia) SDN BHD	151,310,529,300	21,564,947,520
	FH Agrochemical International Trade PTE LTD	5,492,480,000	-
	Itochu ChemiacI Frontier Corporation	-	1,218,121,800
	Jiangsu Sinamyang Import & Export Co. LTD	-	3,007,833,600
	King Elong Group LTD	-	697,763,200

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

	Nissei Corporation	1,802,220,000	-
	Qiaoji Group Co, LTD	632,922,500	-
	Sinochem International (Overseas) PTE LTD	1,115,660,000	-
	Summit Agro International LTD	7,938,350,000	-
	Khách hàng khác	211,941,093	30,555,000
b	Công ty TNHH Nông dược HAI Qui Nhơn		
	Công ty TNHH Agricare Việt Nam	125,000,000	75,000,000
	Chi nhánh công ty TNHH SX & TM Nam Long Phát	17,020,080	22,964,744
	Công ty CP đồng xanh	4,330,089,041	3,293,540,130
	Công ty TNHH TM Hoàng Hưng Phát	286,000,000	221,000,000
	Hợp tác xã vận tải ô tô 30/3 Quy Nhơn	23,867,000	-
	Công ty TNHH Minh Long	270,974,970	91,578,625
	Công ty TNHH SX & TM Nam Long Phát	-	8,187,883
	Công ty CP bao bì nhựa Sopha	-	131,815,200
	Công ty CP Thanh Điền	124,871,250	260,769,600
13.2	Người mua trả tiền trước	1,209,163,052	333,663,904
a	Công ty CP Nông dược HAI		
	Công ty TNHH Trọng Tín	-	54,809,710
	ISHIHARA SANGYO KAISHA LIMITED	-	21,200,000
	Khách lẻ - Hà Nội	-	103,905,286
	KING ELONG GROUP LTD	37,837,350	37,837,350
	Phan Minh Phương	-	76,205,145
	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Tứ Xuyên	108,000,000	-
	Cửa hàng Lê Mạnh Hòa	216,000,000	-
	Cửa hàng Nguyễn Văn Toàn	321,430,747	-
	Hợp tác xã DVNN Đông Cừ	300,008,000	-
	Khách hàng khác	183,977,713	33,007,562
b	Công ty TNHH Nông dược HAI Qui Nhơn		
	Đào Thị Mỹ Tấn	36,450,744	-
	Khách hàng khác	5,458,498	6,698,851
13.3	Phải trả khác	595,824,168	746,632,567
	Kinh phí công đoàn	24,902,100	15,645,060
	Bảo hiểm xã hội	212,379,046	203,385,780
	Bảo hiểm y tế	40,296,174	35,701,807
	Bảo hiểm thất nghiệp	16,336,900	15,645,060
	Ngân hàng NN và PTNT - CN Phú Nhuận	11,800,000	-
	Phải trả về ký quỹ, ký cược	127,000,000	127,000,000
	Các khoản phải trả, phải nộp khác	163,109,948	349,254,860
	Cộng	221,846,281,601	81,490,455,537

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Công ty Cổ phần Nông dược HAI

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 38 244 975 - Fax: (08) 38 221 484

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/10/2014 đến ngày 31/03/2015

22. Tăng, giảm vốn chủ sở hữu

A- BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

Nội dung	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	LN sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
1. Số dư đầu năm trước	173,999,910,000	84,582,464,000	141,997,856	68,009,756,928	14,236,502,872	46,481,868,439	387,452,500,095
- Tăng vốn trong năm trước							-
- Lãi trong năm trước						38,497,170,066	38,497,170,066
- Tăng trích lập các quỹ thuộc nguồn vốn năm trước				4,565,265,788	1,908,347,989		6,473,613,777
- Giảm vốn do trích lập các quỹ thuộc nguồn vốn năm trước						(6,473,613,777)	(6,473,613,777)
- Giảm do trích lập quỹ KTPL năm trước						(34,799,982,000)	(34,799,982,000)
- Chia cổ tức năm trước						(4,675,212,657)	(4,675,212,657)
- Tăng (Giảm) khác năm trước				(15,828,000)	(75,000,000)	89,132,818	(1,695,182)
2. Số dư cuối năm trước	173,999,910,000	84,582,464,000	141,997,856	72,559,194,716	16,069,850,861	39,119,362,889	386,472,780,322
3. Số dư đầu kỳ này	173,999,910,000	84,582,464,000	141,997,856	72,559,194,716	16,069,850,861	39,119,362,889	386,472,780,322
- Tăng vốn trong kỳ này	695,999,640,000	130,499,932,500					826,499,572,500
- Lãi trong kỳ		-				26,614,960,695	26,614,960,695
- Tăng trích lập các quỹ thuộc nguồn vốn trong kỳ		-		3,855,887,212	1,987,319,727	-	5,843,206,939
- Tăng khác trong kỳ			-	8,935,969	8,935,969		
- Giảm vốn do trích lập các quỹ thuộc nguồn vốn trong kỳ		-				(5,843,206,939)	(5,843,206,939)
- Giảm do trích lập quỹ KTPL trong kỳ		-				(3,984,033,514)	(3,984,033,514)
- Chia cổ tức trong kỳ		(84,582,464,000)		(72,349,816,025)		(17,067,629,975)	(173,999,910,000)
- Giảm khác trong kỳ		(80,000,000)				(44,857,628)	(124,857,628)
4. Số dư cuối kỳ	869,999,550,000	130,419,932,500	141,997,856	4,074,201,872	18,066,106,557	38,794,595,528	1,061,496,384,313

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

B.	Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	Vốn góp của các cổ đông	869,999,550,000	173,999,910,000
C.	Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận được chia:		
		Kỳ này	Năm trước
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
	Vốn góp đầu kỳ	173,999,910,000	173,999,910,000
	Vốn góp tăng trong kỳ	695,999,640,000	-
	Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
	Vốn góp cuối kỳ	869,999,550,000	173,999,910,000
Đ.	Cổ phiếu	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	86,999,955	17,399,991
	- Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	86,999,955	17,399,991
	+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	86,999,955	17,399,991
	+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
	- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
	+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
	+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
	- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	86,999,955	17,399,991
	+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	86,999,955	17,399,991
	+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
	* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 VND/ 1 Cổ phiếu	
E.	Các quỹ doanh nghiệp	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	Quỹ đầu tư phát triển	4,074,201,872	72,559,194,716
	Quỹ dự phòng tài chính	18,066,106,557	16,069,850,861
VI.	THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH (ĐVT: VND)		
15.	Tổng Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Kỳ này	Kỳ trước
	Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	592,490,522,795	437,255,286,550
	Doanh thu cung cấp dịch vụ	11,185,127,569	2,797,099,674
	Cộng	603,675,650,364	440,052,386,224
16.	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
17.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	603,675,650,364	440,052,386,224
18.	Giá vốn hàng bán	Kỳ này	Kỳ trước
	Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	512,417,073,968	365,430,851,763

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Công ty Cổ phần Nông dược HAI

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

Cho kỳ hoạt động

Điện thoại: (08) 38 244 975 - Fax: (08) 38 221 484

từ ngày 01/10/2014 đến ngày 31/03/2015

Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	4,911,945,112	2,439,532,052
Hao hụt, mất mát hàng tồn kho	235,233	5,476,209
Cộng	517,329,254,313	367,875,860,024
19. Doanh thu hoạt động tài chính	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	120,392,263	65,198,197
Cổ tức, lợi nhuận được chia	214,800,000	322,200,000
Lãi bán cổ phiếu ngân hàng Việt á	1,915,525,000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	427,621,020	42,632,700
Cộng	2,678,338,283	430,030,897
20. Chi phí hoạt động tài chính	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền vay	8,550,622,891	9,111,717,155
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	810,301,848	247,671,221
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1,213,077,712	622,910,780
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	50,050,000	829,400,000
Hoàn nhập chi phí dự phòng đầu tư ngắn hạn, dài hạn	(7,284,859,458)	-
Chi phí tài chính khác	-	110,864,572
Cộng	3,339,192,993	10,922,563,728
21. Chi phí bán hàng	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên	20,153,533,321	12,765,730,749
Chi phí vật liệu, bao bì, CCDC	1,837,437,572	1,809,831,149
Chi phí khấu hao TSCĐ	2,306,546,310	2,348,212,011
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7,783,529,530	6,732,341,833
Chi phí bằng tiền khác	22,499,449,455	16,604,972,477
Cộng	54,580,496,188	40,261,088,219
22. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên quản lý	5,119,146,835	3,459,815,239
Chi phí vật liệu quản lý	171,598,378	241,924,381
Chi phí đồ dùng VP	94,088,970	76,572,333
Chi phí khấu hao TSCĐ	341,052,036	248,386,743
Phí và lệ phí	121,290,128	78,511,051
Phí trích lập dự phòng	547,526,164	26,450,545
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(889,740,250)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	848,896,759	806,149,739
Chi phí bằng tiền khác	693,583,104	1,343,254,304
Cộng	7,047,442,124	6,281,064,335

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

23. Thu nhập khác	Kỳ này	Kỳ trước
Thu thanh lý TSCĐ	373,493,953	111,818,182
Thu hỗ trợ quảng cáo, hỗ trợ bán hàng, KM mua hàng	8,554,184,950	2,903,856,232
Phạt chậm thanh toán, bồi thường		79,593,857
Khác	59,285,329	234,562,953
Cộng	8,986,964,232	3,329,831,224

24. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Là chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính cho 6 tháng đầu năm tài chính từ ngày 1/10/2014 đến 31/03/2015 và sẽ được điều chỉnh khi công ty thực hiện quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp vào cuối năm tài chính.

25. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này
Chi phí nhân viên	25,272,680,156
Chi phí vật liệu, CCDC	132,358,443,193
Chi phí khấu hao TSCĐ	2,647,598,346
Phí trích lập dự phòng	(342,214,086)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23,274,888,044
Chi phí bằng tiền khác	23,214,908,012
Cộng	206,426,303,665

26. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/10/2014 đến 31/03/2015	Từ 01/10/2013 đến 31/03/2014
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	26,614,960,695	13,586,587,689
Số cổ phiếu lưu hành đầu kỳ	17,399,991	17,399,991
Số cổ phiếu phát hành thêm	69,599,964	-
Số cổ phiếu lưu hành bình quân	32,314,269	17,399,991
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	823.63	780.84

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (VND)

27. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

Trong năm không có khoản tiền nào do doanh nghiệp nắm giữ mà không được sử dụng.

	Kỳ này
27.1 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	VND 417,817,443,391
NH HSBC-VND	45,461,082,000
NH ACB CN Ông ích Khiêm -VND	23,479,706,996
Ngân hàng TNHH MTV ANZ-VND	70,435,967,995
Ngân hàng Hong Leong TPHCM - VND	19,763,412,320

Công ty Cổ phần Nông dược HAI

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 38 244 975 - Fax: (08) 38 221 484

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/10/2014 đến ngày 31/03/2015

Ngân hàng Shinhan VN- CNTPHCM- VND	51,136,038,534
Ngân hàng Natixis CNTP.HCM-VND	2,509,524,000
NHTMCP Công thương VN-CN1-TPHCM- VND	113,699,761,948
Ngân hàng VIB Sài Gòn - VND	36,181,918,760
Ngân hàng Sacombank CN Bình Định	1,400,000,000
NH HSBC-USD	35,353,156,168
Ngân hàng Hong Leong TPHCM - USD	18,396,874,670
27.2 Tiền chi trả nợ gốc vay	430,788,832,515
NH Nông nghiệp & PTNT CN Phú Nhuận-VND	10,868,677,695
NH HSBC-VND	98,349,220,577
NH ACB CN Ông ích Khiêm -VND	33,870,047,000
Ngân hàng TNHH MTV ANZ-VND	39,753,521,574
Ngân hàng Hong Leong TPHCM - VND	26,347,358,084
Ngân hàng Shinhan VN- CNTPHCM- VND	9,782,140,500
Ngân hàng Natixis CNTP.HCM-VND	43,106,257,870
NHTMCP Công thương VN-CN1-TPHCM- VND	84,653,058,099
Ngân hàng VIB Sài Gòn - VND	16,021,918,760
Ngân hàng Sacombank CN Bình Định	1,400,000,000
NH HSBC-USD	66,636,632,356

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1 Công cụ tài chính****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty thực hiện quản trị nguồn vốn để đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động vừa có thể tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua việc sử dụng nguồn vốn có hiệu quả.

Cấu trúc vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm: vốn điều lệ cộng với thặng dư vốn cổ phần trừ đi cổ phiếu quỹ, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính là các tài sản mà qua đó công ty có thể phát sinh các khoản thu nhập trong tương lai. Các tài sản này đã được xác định lại theo giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo tài chính.

	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
- Tiền và các khoản tương đương tiền	45,569,925,180	45,569,925,180
- Đầu tư tài chính ngắn hạn	640,000,000,000	640,000,000,000
- Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	480,500,601,628	457,967,145,476

Công nợ tài chính

Các khoản nợ tài chính đã được đánh giá lại theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán hiện hành để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của công ty. Cụ thể các khoản phải trả người bán và các khoản vay có gốc ngoại tệ đều được đánh giá lại theo tỷ giá tại ngày lập báo cáo. Đồng thời các khoản chi phí đi vay phải trả đã được ghi nhận trong kỳ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công nợ Tài chính tại Số cuối kỳ	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng cộng
	VND	VND	VND

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Vay và nợ ngắn hạn, dài hạn	310,731,788,873	-	310,731,788,873
Phải trả người bán	220,041,294,381	-	220,041,294,381
Chi phí phải trả	676,684,257	-	676,684,257

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ này.

Rủi ro thị trường: Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Rủi ro này công ty quản trị bằng việc thực hiện mua hàng từ một số lượng lớn từ các nhà cung cấp trong nước, cũng như linh hoạt trong việc đàm phán và điều chỉnh giá bán cho người mua khi có biến động lớn về giá cả hàng hóa.

Rủi ro tín dụng: bao gồm rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất. Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để thanh toán cho các khoản nợ phải trả hiện tại và tương lai. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản đối với các khoản nợ phải trả hiện tại dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo việc duy trì một lượng tiền mặt đáp ứng tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn

2. Thông tin về các bên liên quan

2.1. Số vốn góp và đầu tư	Quan hệ với Công ty	Kỳ này	
Đầu tư khác			
Cty CPĐT địa ốc ALASA	Là cty LK với FLC (FLC hiện sở hữu 9.86% vốn của HAI)	556,300,000,000	
2.2. Doanh thu bán hàng và CCDV			
	Quan hệ với Công ty	Kỳ này	
Công ty Cổ phần Bốn đúng	Cty Liên doanh	106,020,000	
Công ty Cổ phần Long Hiệp	Ủy viên HAI là GD	209,611,393,050	
Công ty TNHH Hai Minh Long	Cty liên kết	338,800,000	
Công ty Cổ phần Hóc Môn	Ủy viên HAI là GD	55,454,505,920	
2.3. Mua hàng hoá dịch vụ			
	Quan hệ với Công ty	Kỳ này	
Công ty Cổ phần Long Hiệp	Ủy viên HAI là GD	128,407,549,690	
Công ty TNHH Hai Minh Long	Cty liên kết	4,120,069,050	
Công ty Cổ phần Hóc Môn	Ủy viên HAI là GD	30,746,114,118	
2.4. Công nợ với các bên liên quan			
	Quan hệ với Công ty	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Phải thu			
Công ty Cổ phần Long Hiệp	Ủy viên HAI là GD	128,173,749,800	7,074,040,000

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Công ty Cổ phần Nông dược HAI**Thuyết minh Báo cáo tài chính**

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

Cho kỳ hoạt động

Điện thoại: (08) 38 244 975 - Fax: (08) 38 221 484

từ ngày 01/10/2014 đến ngày 31/03/2015

Công ty TNHH Hai Minh Long	Cty liên kết	338,800,000	1,696,968,000
Công ty Cổ phần Hóc Môn	Ủy viên HAI là GD	41,492,212,206	10,499,118,154

Phải trả

Công ty Cổ phần Long Hiệp	Ủy viên HAI là GD	13,821,414,233	805,166,019
Công ty TNHH Hai Minh Long	Cty liên kết	347,732,400	399,831,625
Công ty Cổ phần Hóc Môn	Ủy viên HAI là GD	3,430,139,213	639,671,840

2.5 Thu nhập HDQT và BKS

	Kỳ này	Kỳ trước
Thù lao HDQT	225,000,000	150,000,000
Thù lao BKS	49,200,000	54,000,000
Thu nhập ban Tổng GD và thành viên chủ chốt	2,376,000,000	2,192,667,000

3 Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ Công ty cung cấp Công ty có kinh doanh các mặt hàng chính sau:

- Thuốc bảo vệ thực vật
- Nguyên liệu
- Thuốc kích thích tăng trưởng
- Hạt giống
- Dịch vụ quảng cáo, khuyến mãi

Khu vực địa lý: Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam

Thông tin về kết quả kinh doanh, của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Kỳ này	Doanh thu theo bộ phận	Chi phí theo bộ phận	KQKD theo bộ phận
Thuốc bảo vệ thực vật	541,440,146,745	467,287,554,186	74,152,592,559
Nguyên liệu	7,155,164,600	6,873,019,044	282,145,556
Thuốc kích thích tăng trưởng	11,793,078,504	8,536,643,030	3,256,435,474
Hạt giống Ngô và hạt Nhựa	8,294,172,084	8,619,239,390	(325,067,306)
Nông sản	14,136,627,000	13,503,898,685	632,728,315
Dịch vụ quảng cáo, khuyến mãi	11,185,127,569	5,027,185,986	6,157,941,583
Khác	9,671,333,862	7,481,713,992	2,189,619,870
Các chi phí không phân bổ theo BP			(61,627,938,312)
Cộng	603,675,650,364	517,329,254,313	24,718,457,739

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

4. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng từ ngày 01/10/2013 đến 31/03/2014 và báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2014 của Công đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán DTL.

5. Thông tin về hoạt động liên tục

Ban Giám đốc khẳng định rằng, Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trong kỳ hoạt động tiếp theo.

6. Những thông tin khác

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế với việc áp dụng các quy định và Chuẩn mực kế toán cho các giao dịch tại Công ty có thể được giải thích theo cách khác nhau vì vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

7. Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản

Chỉ tiêu	Kỳ này	Kỳ trước
1 Bố trí cơ cấu tài sản và nguồn vốn		
1.1 Bố trí cơ cấu tài sản (%)		
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	7.76%	16.09%
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	92.24%	83.91%
1.2 Bố trí cơ cấu nguồn vốn (%)		
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	34.47%	52.84%
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	65.53%	47.16%
2 Khả năng thanh toán		
2.1. Khả năng thanh toán tổng quát (lần)	2.90	1.89
2.2. Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (lần)	2.74	1.62
2.3. Khả năng thanh toán nhanh (lần)	0.08	0.10
3 Tỷ suất sinh lời		
3.1 Tỷ suất sinh lời trên doanh thu thuần (%)		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	5.29%	3.99%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	4.41%	3.09%
3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (%)		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	1.97%	2.14%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	1.64%	1.66%

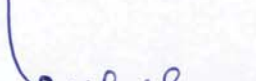
Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 04 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc









Đỗ Thị Ngọc Út

Nguyễn Huỳnh Đăng

Quách Thành Đồng